

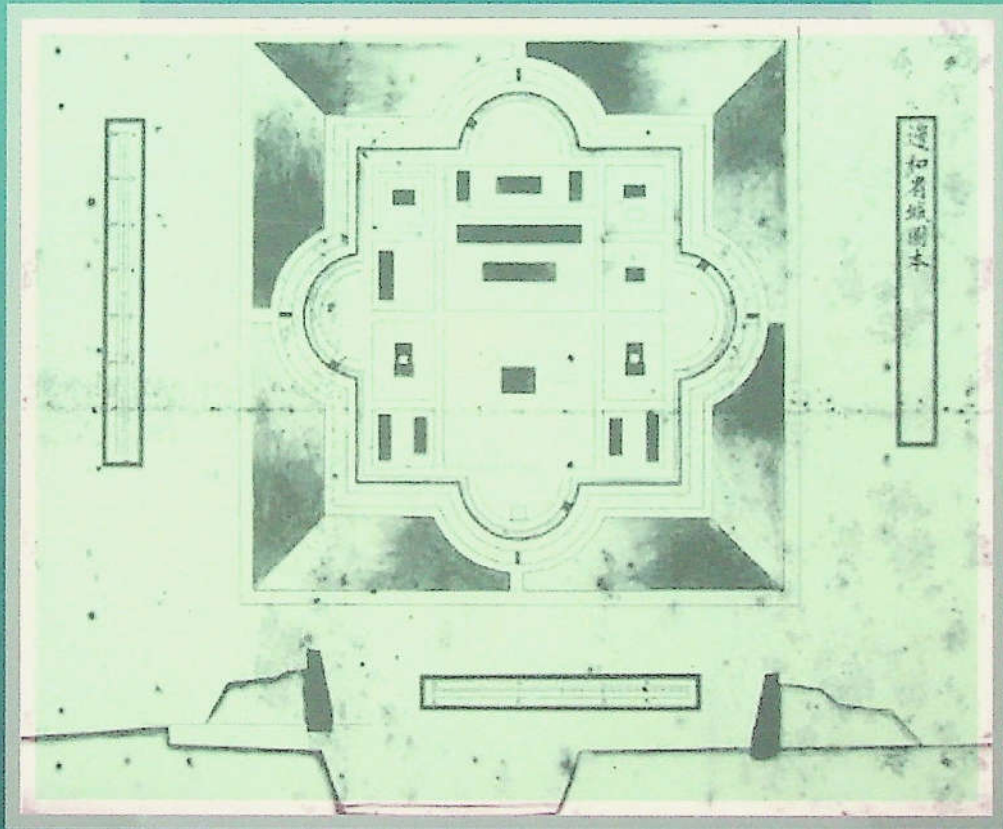
HUỲNH VĂN TỚI
(Chủ biên)

959 77 5

ĐC

D 300 T

DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA THÀNH CỔ BIÊN HÒA XƯA



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA
THÀNH CỔ BIÊN HÒA XUA

Chủ biên
HUỲNH VĂN TỎI

Biên soạn
PHẠM ĐỨC MẠNH
LÊ NGỌC QUỐC
PHẠM CHU MINH

HUỶNH VĂN TỎI
Chủ biên

DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA
THÀNH CỔ BIÊN HÒA XƯA

THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
SÁCH TẶNG

2020/BC/VL 001682

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

Lời mở

“Thành Biên Hòa” là một trong những di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh được UBND tỉnh Đồng Nai công nhận theo Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2008.

Về di tích này, đã có nhiều tài liệu, nhiều ý kiến bàn đến với nhiều kiến giải giống hoặc khác nhau. Vấn đề khiến nhiều người quan tâm là: Giá trị đích thực của di tích Thành cổ Biên Hòa là gì, không gian và chiều sâu lịch sử của di tích như thế nào, có phải di tích chỉ là những công trình hiện trạng trực quan hay không?. Để trả lời đầy đủ các câu hỏi thực tế đó, ắt phải dấn bước vào một rừng tài liệu nối dài nhiều trăm năm, chông chát nhiều dữ liệu, rắc rối nhiều nẻo lối. Cần thiết phải có tài liệu khách quan, tổng quát, ngắn gọn và đầy đủ để giúp người đọc dễ tìm hiểu về di tích Thành cổ Biên Hòa trong quá trình “sinh tồn” của chính nó. Cuốn sách *Di tích lịch sử văn hóa Thành cổ Biên Hòa xưa* này được tổ chức xuất bản nhằm để đáp ứng yêu cầu cần thiết ấy.

Kết nối thông tin từ *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức đến hệ thống thư tịch triều Nguyễn, tài liệu của người Pháp, bài viết của các nhà nghiên cứu người Việt, kết quả khảo sát của giới khảo cổ, hồ sơ khoa học của các cơ quan quản lý; cuốn sách này tạm chia thành 6 phần, ứng với 6 nội dung:

- Dấu ấn thời gian ghi lại chiều sâu văn hóa lịch sử của Thành Biên Hòa

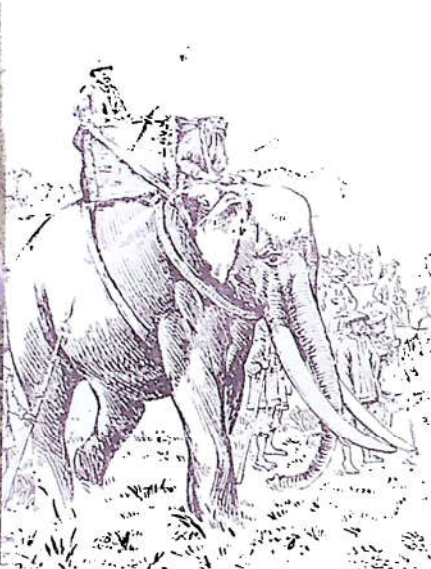
- Các công trình văn hóa trong không gian văn hóa gắn với Thành Biên Hòa
- Những sự kiện bi hùng “Biên thành thất thủ”
- Hiện trạng di tích khi chính quyền tiếp quản, quản lý
- Quá trình phục dựng và tu bổ di tích để bảo tồn và phát triển
- Kết quả khảo cổ chứng minh Thành cổ Biên Hòa gắn với văn hóa cổ thời khuyết sử ở Đồng Nai.

Ở mỗi nội dung, các tác giả đều cố gắng tinh chọn thông tin ở các tài liệu tin cậy, dẫn nguồn minh bạch, nối mạch các dữ liệu văn tự, hình ảnh, sơ đồ, bản đồ để làm rõ giá trị thành cổ trong tiến trình lịch sử và quá trình quản lý. Đây đó có sự so sánh đối chứng với các giá trị tương quan, có chỉnh lý một số dữ liệu cho thống nhất và sát hợp thực tế.

Hy vọng là, tập sách này đáp ứng được yêu cầu của người đọc về tính hệ thống, tính phổ quát, dễ hình dung về di tích lịch sử văn hóa Thành Biên Hòa trong suốt chiều dài lịch sử, trong không gian văn hóa thiêng liêng ở xứ Đồng Nai, trong các mối quan hệ với các công trình khác, trong quá trình tác động nghiệt ngã của thời gian, trong hoạt động bảo tồn, phát triển của chính quyền, đặc biệt là trong lòng người ưu dân ái quốc. Tập sách ắt cũng xua tan những dấu hỏi đang treo ở một số người về “tâm vóc bé nhỏ” của Thành cổ Biên Hòa chỉ bằng những hình ảnh còn thấy được; lại khơi gợi mong ước ở những người trân trọng tính chân thực của văn hóa lịch sử về việc tiếp tục nghiên cứu, khảo cổ để minh định rõ hơn về phạm vi Thành cổ Biên Hòa, về các di vật còn ngủ yên, từ đó làm cho giá trị Thành cổ Biên Hòa tỏa sáng, giàu tính giáo dục nhân văn, thu hút du khách, xứng danh trong gia đình di sản văn hóa Việt Nam/Đồng Nai.

Mặc dù đã nhiều cố gắng nhưng các tác giả tự nhận thấy còn nhiều khiếm khuyết chưa thể vượt qua, nhất là chất lượng hình ảnh chưa cao, đôi chỗ ngôn phong khoa học còn khó hiểu. Kính mong người đọc và các chủ thể tài liệu được dẫn nguồn chia sẻ, lượng thứ, góp ý xây dựng.

HUỲNH VĂN TỚI



SUEDAIS: LE LA GARDE ROYALE.



THÀNH BIÊN HÒA (phục dựng 3D)
16-5-2019

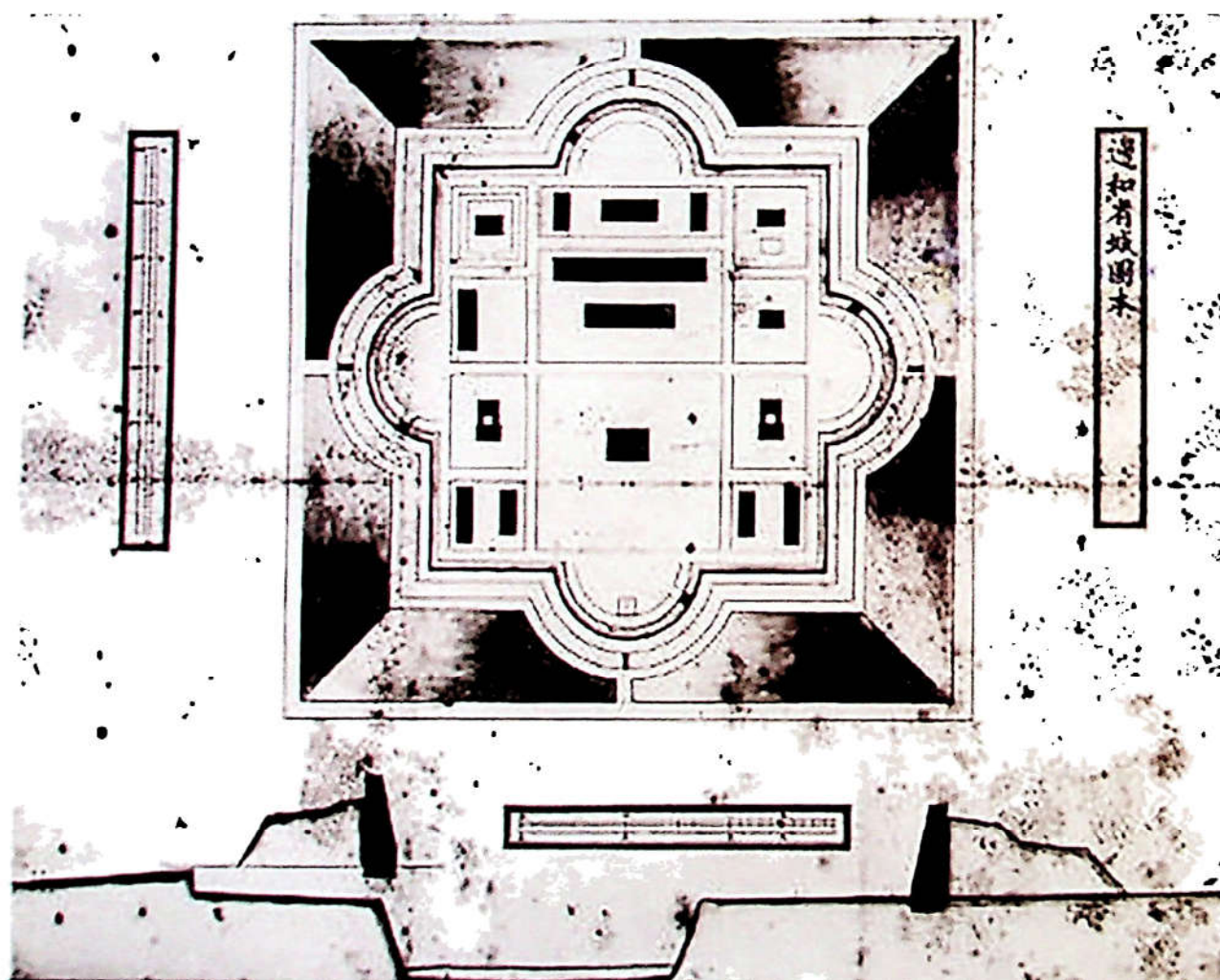
沾

Phần 1

DẤU ẤN THỜI GIAN

1. Vùng đất và con người Biên Hòa xưa

Vùng đất Biên Hòa xưa có phạm vi rộng lớn; theo mốc lịch sử năm 1698, chương cơ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vâng lệnh chúa Nguyễn Phúc Chu kinh lược vào vùng đất phương Nam (hiểu là cả vùng Nam Bộ lúc bấy giờ). Ông đặt vùng đất mới thành phủ Gia định gồm 2 huyện: Phước Long dựng dinh Trấn



Biên Hòa Tỉnh Thành Đồ bản - thực hiện trước năm 1861 nguồn EFEO.



Sa bàn Thành cổ Biên Hòa tỉ lệ 1/400- thực hiện Lê Ngọc Quốc.

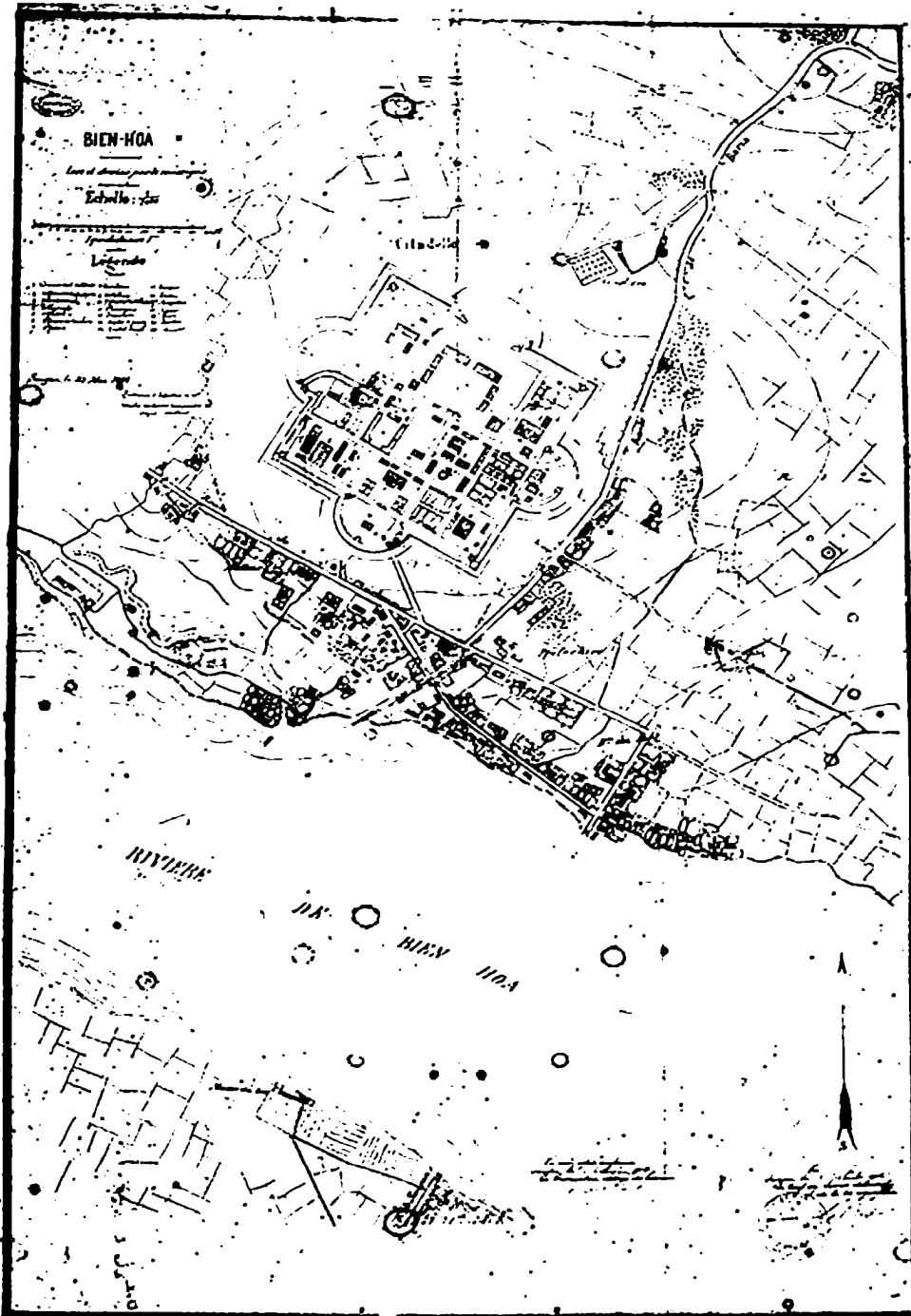
Biên, huyện Tân Bình dựng dinh Phiên Trấn. Như vậy, trấn Biên Hòa xưa thuộc phạm vi dinh Trấn Biên, huyện Phước Long¹.

Theo *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức: Trấn Biên Hòa lưng tựa núi, mặt trở ra sông, không chế vùng Man, ngăn chặn nơi hiểm yếu. Theo ranh giới cũ thì phía Đông Bắc đến trấn Bình Thuận, lấy cửa sông Ma Ly làm giới hạn. Năm Mậu Thìn (1808), niên hiệu Gia Long thứ 7, chuẩn định rằng: phía Đông Trấn giáp núi Thần Mẫu (thuộc trấn Bình Thuận); lập ra trạm Thuận Biên, quanh co kéo dài đến phía Bắc là sách động của man núi. Phía Nam giáp trấn Phiên An, trên từ suối Băng Bột (vùng Tây Ninh ngày nay) qua Đức Giang (Thủ Đức) đến Bình Giang (sông Sài Gòn) rồi quanh về Tam Giang - Nhà Bè, thẳng xuống cảng Cần Giờ rồi qua Thuyền Úc (Vũng Tàu), ra núi Gành Rái (núi Lớn, núi Nhỏ ở Vũng Tàu), lấy dãy sông dài làm giới hạn. Bờ Bắc con sông là ranh giới trấn Biên Hòa. Phía Đông giáp biển, phía Tây giáp vùng sơn man. Từ Đông sang Tây cách nhau 542 dặm rưỡi, nam bắc cách nhau 287 dặm rưỡi, đi về Nam đến thành Gia Định cách 55 dặm rưỡi.

Buổi đầu mới đặt trấn gọi là dinh Trấn Biên, trông coi 1 huyện, 4 tổng, lý sở đóng tại đất thôn Phước Lư, huyện Phước Long. Mậu Thìn-1808 (niên hiệu Gia Long năm thứ 7), cải lại là trấn Biên Hòa rồi nâng huyện thành phủ, nâng tổng thành huyện, đó là căn cứ vào đất đai rộng hẹp, dân cư nhiều hay ít và thế đất liền nhau mà chia đều ra; lại đặt thêm tổng và phân chia giới hạn².

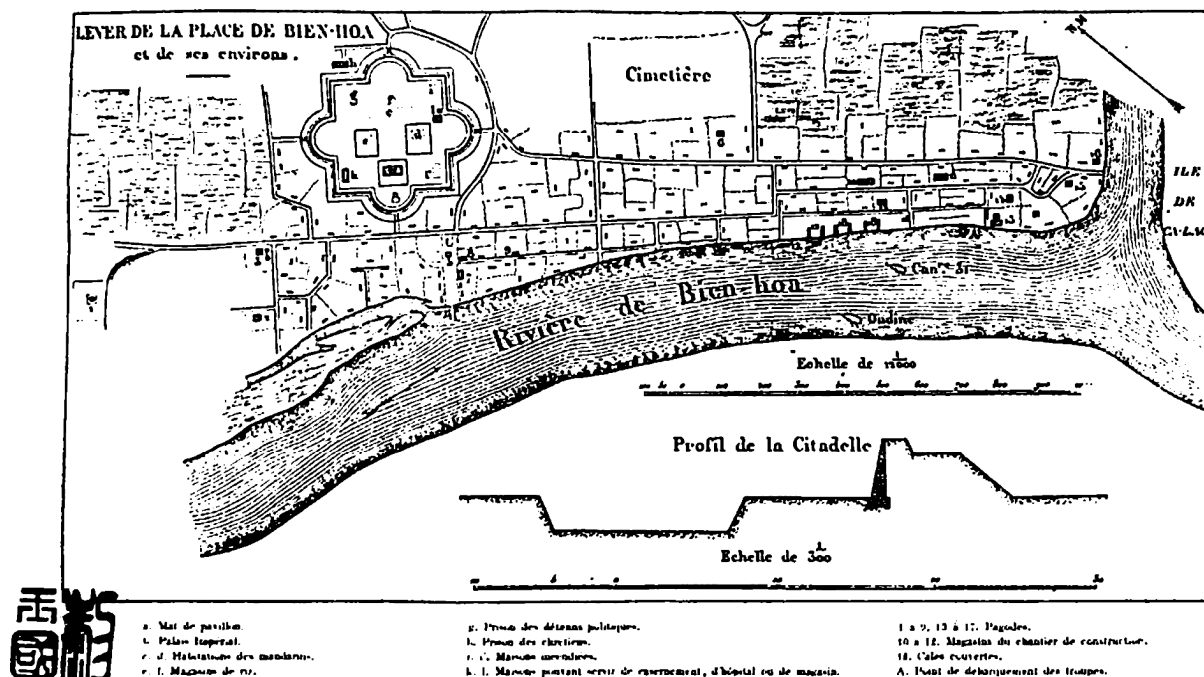
1 *Hỏi đáp về Biên Hòa - Đồng Nai*, Phan Đình Dũng, Nguyễn Thanh Lợi, NXB Đồng Nai, năm 2010, tr121.

2 *Gia Định thành thông chí*, tác giả Trịnh Hoài Đức, dịch và chú giải Lý Việt Dũng, Nxb Tổng hợp Đồng Nai, xuất bản năm 2005, tr133.



Plane de Bien - Hòa 1864 - nguồn EFEO.

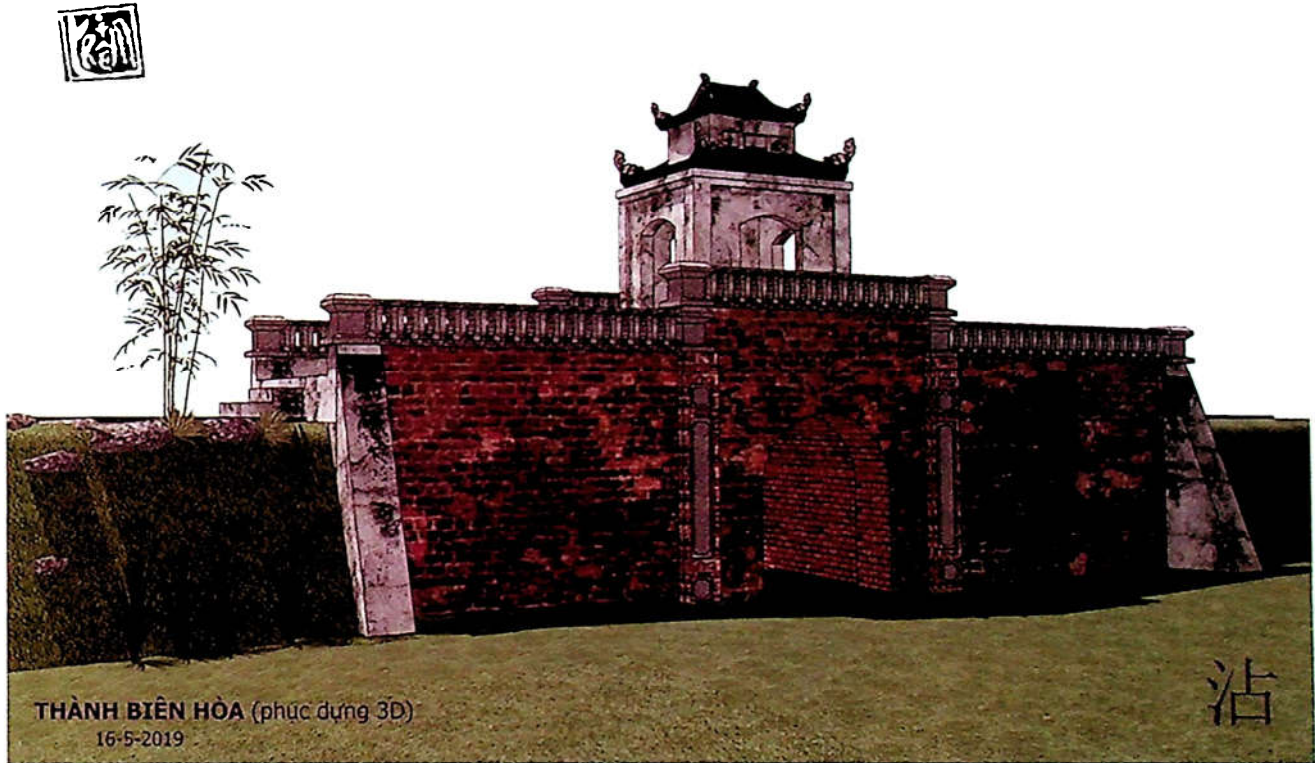
Như vậy, theo như mô tả của Trịnh Hoài Đức, thì cương vực chí của trấn Biên Hòa có thể được xem là vị trí trung tâm, là đầu mối giao thương với các trấn lân cận trong vùng đất phương Nam lúc bấy giờ.



Họa đồ Thành Biên Hòa và các vùng phụ cận - báo xuất bản tại Pháp ngày 01/3/1862 (bộ sưu tập tư nhân Lê Ngọc Quốc)

Trước thế kỷ XVI vùng đất này là rừng rậm, dân cư thưa thớt, chủ yếu là người Cao Miên sinh sống, chỉ có số ít là người Việt, mà theo *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức cho biết:

“Khi ấy địa đầu Gia Định là Mỗi Xuy (hay Mô Xoài) và Đồng Nai (tức nay là Biên Hòa trấn) đã có lưu dân nước ta đến ở chung lộn với người Cao Miên. Người



Cổng Thành Biên Hòa phục dựng 3D năm 2019 - Dương Văn Triêm, Đồng Tháp.

Cao Miên khâm phục oai đức của triều đình, đem nhường hết cả đất ấy, rồi tránh ở chỗ khác, không tranh trở chuyện gì”¹.

Từ năm 1698 đến nay, có nhiều đợt di dân lớn từ nhiều nguồn đến vùng đất này, làm tăng dân số và thành phần dân cư đáng kể. Đó là cuộc di dân từ các tỉnh miền Trung (vùng Ngũ Quảng) đến trấn Biên Hòa theo chính sách khai khẩn của thời nhà Nguyễn; đợt mộ dân các tỉnh miền Bắc, miền Trung vào làm phu tại các

¹ *Gia Định thành thông chí*, tác giả Trịnh Hoài Đức, dịch và chú giải Lý Việt Dũng, Nxb Tổng hợp Đồng Nai, xuất bản năm 2005.

đồn điền cao su trên địa bàn tỉnh Biên Hòa những thập niên 30, 40 thế kỷ XX; đợt di dân đồng bào công giáo miền Bắc sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954...¹

Tóm lại: Một vùng đất có vị trí địa lý đặc địa, đất đai ngàn dặm, dân cư đông đúc, sản vật phong phú... là minh chứng rõ ràng về kết quả quá trình khai hoang, xác lập chủ quyền, lãnh thổ của một vùng. Bên cạnh đó chắc chắn cũng sẽ tiềm ẩn nhiều mối nguy họa, đối mặt với các thế lực nuôi dã tâm xâm lấn. Đó là điều tất yếu của lịch sử. Để ngăn quân bạo ngược, giữ yên cho dân, tất phải xây thành lũy có vách cao, hào sâu, phòng sự bất ngờ. Cứ xem chùa miếu tôn nghiêm to lớn mà biết có thần linh hiển hách, thấy làng xóm chợ búa nơi nơi thịnh vượng, đẹp đẽ mà biết dân vật giàu có sung túc, thấy cầu cống đường sá chôn chôn được chỉnh tề mà biết cương vực bền vững².

Cùng từ lý do đó mà khắp nơi, đâu đâu trên dải đất phương Nam cũng được triều đình nhà Nguyễn tiến hành xây thành, đắp lũy. Từ trấn thành Gia Định, trấn Biên Hòa, trấn Định Tường, Vĩnh Long, An Giang đến Hà Tiên... tất cả trấn thành, lỵ sở đều được sửa sang đến xây đắp mới.

Có thể thấy được lỵ sở trấn Biên Hòa tọa lạc trên một vị trí đẹp, được xây dựng kiên cố, có núi, sông bao bọc, dân cư sinh sống yên ổn. Thế đất, lòng dân đồng nhất đã góp phần làm cho trấn Biên Hòa xưa ghi dấu ấn tốt đẹp, lưu danh sử sách trong công cuộc chống giặc ngoại xâm, giữ yên bờ cõi, ổn định dân cư.

1 *Hỏi đáp về Biên Hòa - Đồng Nai*, Phan Đình Dũng, Nguyễn Thanh Lợi, NXB Đồng Nai, năm 2010, tr23.

2 *Gia Định thành thông chí*, tác giả Trịnh Hoài Đức, dịch và chú giải Lý Việt Dũng, Nxb Tổng hợp Đồng Nai, xuất bản năm 2005, tr216.

2. Thành cổ Biên Hòa - dấu ấn thời gian

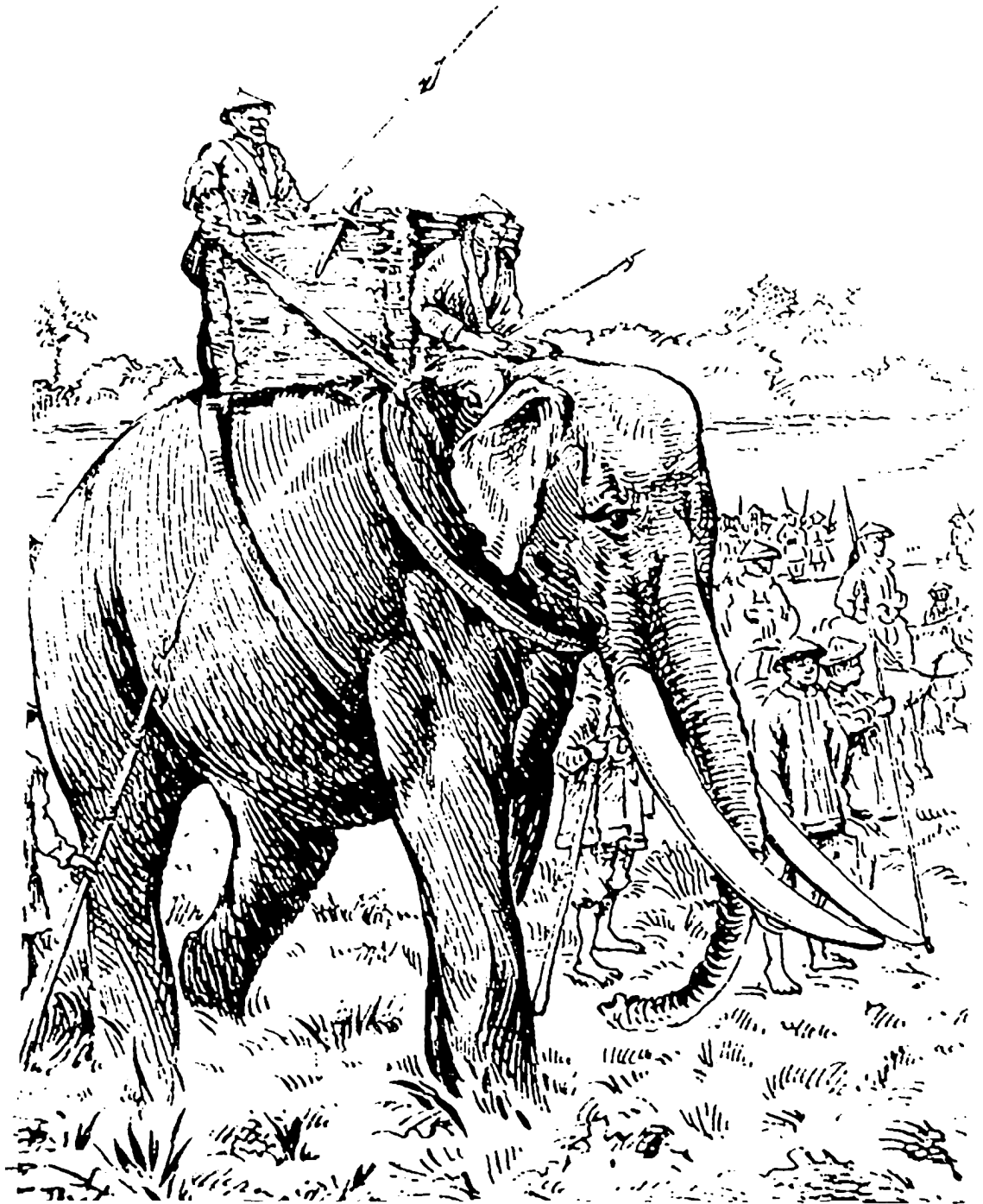
Tại Đàng trong thời chúa Nguyễn Ánh, một số thành lũy được xây dựng theo kiến trúc Vauban, một kiến trúc phòng thủ tân tiến nhất thời bấy giờ, do hai kỹ sư quân sự Pháp là Théodore Lebrun thiết kế và Victor Olive de Puymanel làm giám sát thi công như:

- Thành Bát Quái (Thành Quy- Sài Gòn) 1790.
- Thành Trấn Định (Mỹ Tho) 1792.
- Thành Diên Khánh (Khánh Hòa) 1793.

Sau khi thống nhất sơn hà, chúa Nguyễn Ánh lên ngôi (1802) lấy hiệu là Gia Long; lần lượt các thành lũy ở kinh đô Huế, các tỉnh thành, trấn sở... từ Bắc vào Nam đều được tiến hành xây dựng từ triều đại Gia Long đến triều đại Minh Mạng. Ngoài 3 thành lũy được xây dựng trong thời chiến tranh với Tây Sơn do 2 kỹ sư Pháp thiết kế, quản lý xây dựng. Theo thống kê đến năm 1865 (là năm Quốc sử quán triều Nguyễn tổ chức biên soạn bộ sách Đại Nam nhất thống chí dựa trên cơ sở của bộ Đại Nam nhất thống dư đồ) tổng cộng có 31 tòa thành lũy chính trên cả nước được cho khởi công xây dựng theo kiến trúc Vauban nhưng đã đơn giản hơn, tổng công trình sư lúc này là người Việt. Thiết kế hầu như kế thừa toàn bộ các đặc điểm thành Vauban Pháp với các điểm nổi bật như: pháo đài chính, pháo đài góc, cầu treo, hào chiến, đường bao quanh trên trên tường thành, đường bao ngoài hào, tường bắn, đài quan sát...

2.1 Quá trình xây dựng Thành Biên Hòa:

Có rất nhiều tài liệu ghi chép về thời gian xây dựng và vị trí tọa lạc của di tích Thành Biên Hòa như:



Quân tượng Đại Nam (nguồn Internet)



THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
SÁCH TẶNG

SOLDATS DE LA GARDE ROYALE

2020/BC/VL

001682

03 người lính Đại Nam (nguồn Internet)

Sách *Gia Định thành thông chí* ghi chép: “Lỵ sở trấn Biên Hòa khi xưa đặt ở địa phận thôn Phước Lư, huyện Phước Chánh, đất thấp nên hay có lụt. Năm Gia Long thứ 15 (1816) cho dời lỵ sở qua gò cao thôn Tân Lâm, quy hoạch ra làm thành sò, ngang dọc đều 200 tầm, trong chia thành nhiều khu vực khác nhau, có dạng tương tự như hình chữ tinh (井), khu giữa dựng vọng cung, hai bên phải trái có lầu chuông trống, chỗ chính giữa phía sau dựng 3 công dinh, rộng 80 tầm, dài 60 tầm, chia ra làm 3 phần, chỉ dinh giữa rộng thêm 5 tầm, 2 con đường phải trái đều 7 tầm, chung quanh xây tường gạch, làm dãy kho chứa gồm 31 gian lợp ngói xây gạch dày chắc, hai bên phải trái làm trại quân thừa ty, chia ra từng khu vực rất chỉnh tề”.

Sách *Đại Nam nhất thống chí*, Quốc sử quán triều Nguyễn có ghi chép: “thành cũ Tân Lâm tức là đất Bàn Lâm cũ; di tích còn nơi tỉnh lỵ. Có người nói thành này là của người Lạp Man đắp. Tỉnh thành Biên Hòa có chu vi dài 388 trượng, cao 8 thước 5 tấc, dày 1 trượng; hào rộng 4 trượng, sâu 6 thước; mở 4 cửa, dựng 1 kỳ đài; ngoài mỗi cửa đều xây cầu đá ngang qua hào để đi qua lại. Tỉnh thành này ở địa phận thôn Tân Lâm, huyện Phước Chánh. Khi đầu bản triều dựng đặt ở thôn Phước Lư, năm Gia Long thứ 15 (1816) dời qua chỗ này. Năm Minh Mạng thứ 15 (1834), đắp thành đất, năm thứ 18 (1837) xây lại bằng đá ong”.

Sách *Minh Mạng chính yếu* có ghi chép: “Minh Mạng thứ 15 (1834) đắp Thành Biên Hòa. Tỉnh này trước kia cũng có thành và hào. Nay khâm mạng nhà vua phái Đoàn Văn Phú trừ tính tô lên để thi hành”.

“Minh Mạng thứ 19 (1838), xây đắp tỉnh thành Biên Hòa: Vua sai lấy 4.000 dân phu để làm việc”.



01 người lính Đại Nam (nguồn Internet)

Hay sách *Biên Hòa sử lược* ghi chép như sau: “Thành Biên Hòa được xây dựng vào năm Gia Long thứ 15 (1816) tại địa hạt thôn Bàn Lân (Tân Lân) huyện Phước Chánh, tỉnh Biên Hòa với tên gọi “Thành Cựu” do dân Lạp Man xây đắp bằng đất. Chu vi của thành dài 388 trượng, cao 8 thước 5 tấc, dày 1 trượng. Hào xung quanh rộng 4 trượng, sâu 6 thước. Thành có 4 cửa và 1 kỳ đài (phía chính diện). Mỗi cửa đá có bắc 1 cầu đá ngang qua hào để làm lối lưu thông ra ngoài. “Thành Cựu” được xây dựng theo hình cánh cung. Đến năm 1837 (Minh Mạng 18) “Thành Cựu” được xây dựng lại bằng đá ong đỏ và đổi tên là “Thành Biên Hòa”. Khi thực dân Pháp đánh chiếm các tỉnh Nam Bộ, “Thành Biên Hòa” trở thành nơi phòng ngự, phản công địch của quan quân nhà Nguyễn ở địa phương”.

Căn cứ từ các tài liệu nêu trên, có thể xác định Thành Biên Hòa ban đầu được xây đắp bằng đất vào năm Gia Long thứ 15 (1816) tại địa hạt thôn Bàn Lân (Tân Lân), huyện Phước Chánh, tỉnh Biên Hòa trên nền thành cũ của dân Lạp Man và gọi tên là “Thành Cựu”. Khi dời đến Tân Lân, Thành Biên Hòa cũng chỉ xây dựng đơn giản như ở li sở cũ: ngang dọc đều 200 tầm, trong chia thành hình chữ tinh (井), giữa dựng Vọng cung, hai bên phải trái có lầu chuông, trống, chỗ chính giữa phía sau dựng 3 công dinh, rộng 80 tầm, dài 60 tầm... (Gia Định Thành Thông Chí)

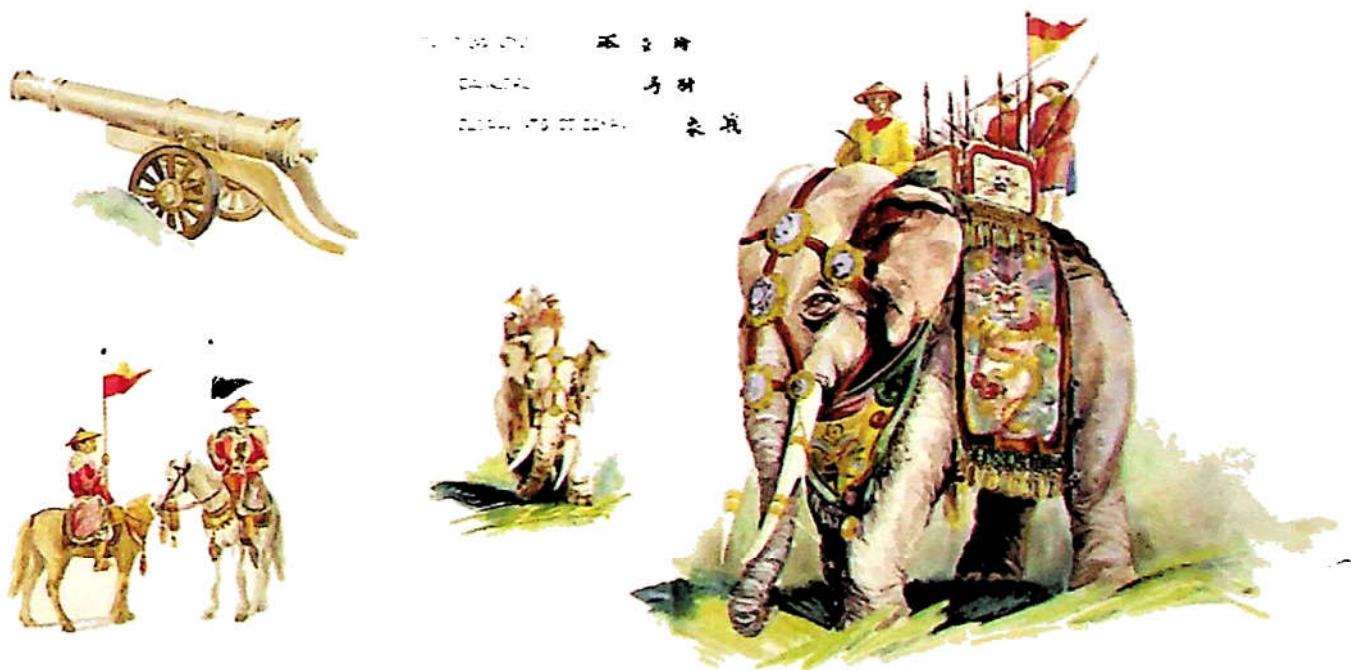
Năm Minh Mạng thứ 5 (Giáp Thân 1824), mùa xuân, tháng Giêng đình thần nghị tấu:

“Đào tiếp sông Vĩnh Tế, lấy binh dân các Trấn thuộc Thành (Gia Định) và nước Chân Lạp hơn 24.700 người làm việc, chi cấp lương tiền như lệ năm Minh Mệnh thứ 4”

Vua dụ rằng: “Việc đào sông Vĩnh Tế là vâng theo thánh toàn của Hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng đế (chỉ vua Gia Long) ta mà làm, thực là quan yếu cho

quốc kế biên trù. Nhưng khai đào mới bắt đầu, công việc còn khó, Trẫm vâng theo chỉ trước, năm ngoài đã đào, còn lại hơn 1.700 trượng, ấy là còn thiếu cái công một sọt đất. Nay nước nhà nhàn rồi, chính nên kịp thời làm tiếp cho xong, để làm kế nhọc một lần được rồi mãi”, lại dụ cho quốc vương Chân Lạp biết.

Lúc này, Phó tổng trấn Trần Văn Năng xin để lại quân dân 2 trấn Phiên An, Biên Hòa để đào đá xây thành. Vua dụ rằng: “Việc xây thành năm nay chưa tiện sẽ dời sang năm. Còn như sông này, liên với tân cương, rất quan hệ đến việc biên phòng, so với việc xây thành đàng nào cần hơn? Huống chi hai việc đều làm, sao cho xong được, kiến thức sao hẹp hòi thế?”. Vua không cho, sai đem cả quân dân đến đào sông. Phát tiền khao 1.000 quan mua trâu rượu khao những người làm việc. Như vậy Thành Biên Hòa cũng đã có tâu nghị xây dựng lại vào năm 1824,



Quân Tượng Đại Nam (nguồn Internet)

nhưng vua Minh Mạng lấy có đào kinh Vĩnh Tế cấp bách hơn nên không phê duyệt.

Minh Mạng năm thứ 10 (1829), Vua có dụ bảo bộ Công rằng: “Phủ huyện có thành và hào là để vững sự phòng thủ, nhưng công trình to lớn nên không thể nhất tề xây đắp được“ và ưu tiên cho xây kiên cố các thành quan trọng. Cho đến trước cuộc biến loạn của Lê Văn Khôi (ngày 18 tháng năm âm lịch năm 1833) hệ thống lũy bao của tỉnh thành Biên Hòa lúc bấy giờ, cũng chỉ được xây dựng bằng vật liệu nhẹ, đơn giản: Cây gỗ, tre, nứa, hoặc đất thì đắp vào khung gỗ, tre... Vì thế lực lượng khởi loạn của Lê Văn Khôi dễ dàng đánh chiếm tỉnh thành Biên Hòa đến 2 lần:

- Lần thứ nhất: vào ngày 24 và 25 tháng năm âm lịch năm 1833; đến ngày 10 tháng sáu âm lịch năm 1833, quân triều đình lấy lại được tỉnh thành.

- Lần thứ hai: quân khởi loạn quay lại đánh úp tỉnh thành vào các ngày 13, 15 và 16 tháng sáu nhưng bất thành. Trong thời gian sau khi đẩy lùi các đợt đánh chiếm tỉnh thành lần 2, ngày 17 tháng sáu âm lịch năm 1833, các quan tỉnh Biên Hòa có cho đặt rào giồng bằng ván gỗ, đắp lũy đất, đào hào ở 4 mặt tỉnh lỵ để phòng giữ; nhưng cũng không chống nổi hỏa lực mạnh; đến trận đánh ngày 26 tháng sáu, dưới sức tấn công của 19 thuyền chiến với hỏa lực áp đảo, tỉnh thành Biên Hòa lại thất thủ lần thứ hai.

Đúng một tháng sau, ngày 26 tháng bảy âm lịch năm 1833 đại binh triều đình dưới quyền của Tham tán đại thần Thống chế là Hoàng Đăng Thận và Thượng thư Trương Minh Giảng, quân triều đình mới chiếm lại được tỉnh lỵ Biên Hòa.



Quân đội Đại Nam (nguồn Internet)

Năm 1834, trong khi binh triều đình còn vây đánh thành Gia Định do loạn đảng Lê Văn Khôi chiếm, vua Minh Mạng sai quan khâm mạng Tham tri Đốc biện Bộ công là Đoàn Văn Phú đi kinh lý Nam kỳ, xem xét trừ tính tâu lên để thi hành ngay việc đắp lại Thành Biên Hòa. Triều đình chọn 1.000 dân trong hạt đắp lại “Thành Cự” bằng đất, với 4 mặt thành đều dài 70 trượng, cao 4 thước 3 tấc, dày 1 trượng; mở 4 cửa, có hào rộng 2 trượng, sâu 6 thước.

Tiếp sau đó, tháng giêng năm 1838, Vua lại sai Vệ úy vệ Tả bảo nhị Nguyễn Văn Gia và thụ Phó Vệ úy Tiền doanh Long võ là Phan Văn Lãng, Vệ úy vệ Tả thủy Gia Định là Lê Văn Tự, Vệ úy vệ Bình Thuận là Tôn Thất Mậu chỉ đạo 4.000 binh dân đắp lại mặt Thành ộp bằng vật liệu đá ong theo thiết kế kiểu Vauban. Đây là công trình trọng đại nên ngoài quan tỉnh, còn sai phái thêm quan tỉnh Gia Định

và Bình Thuận giám sát công việc. Thành có chu vi dài 388 trượng, cao 8 thước 5 tấc, dày 1 trượng, hào rộng 4 trượng sâu 6 thước, dựng 1 kỳ đài, mở 4 cửa và cầu đá qua hào. Theo cách quy đổi hiện tại¹ thì Thành Biên Hòa đời Minh Mạng chu vi tới 1.645m, tường thành cao 3,6m, dày tới 4,24m, hào rộng 16,96m, sâu 2,5m với diện tích khuôn viên bốn tường bao tới gần 17 hécta (411,28m x 411,28m = 169.151,2384m²) và diện tích Thành Biên Hòa tính cả hào nước xung quanh tới hơn 18 hécta (428,24m x 428,24m = 183.389,4976m²). Bốn cửa đều có cầu đá bắc qua hào thành, để làm lối lưu thông ra vào. Cửa Nam nhìn ra sông Phước Long (sông Đồng Nai), bên trong thành, chính giữa dựng 1 kỳ đài cao, công sở, kho lẫm, khám đường...

Các thành ở Việt Nam xây cất vào thời nhà Nguyễn, đều theo cấu hình Vauban, lớn nhất là Kinh Sư (Huế): chu vi 18 dặm linh (lê), cao 1 trượng 5 thước 3 tấc, dày 5 trượng, Năm 1805 đắp đất, 1818 xây gạch, nhỏ nhất là thành Hà Tiên (chu vi 96 trượng 2 thước). Ở Nam Bộ, Thành Biên Hòa xây thời Minh Mạng đứng thứ 3 sau Vĩnh Long và Gia Định (Gia Định 429 trượng, Vĩnh Long 500 trượng(!) Biên Hòa 388 trượng, An Giang 262 trượng, Định Tường 320 trượng, Hà Tiên 96 trượng 2 thước). Những số đo chu vi bình đồ và các miêu tả chi tiết về thiết đồ kiến trúc thành ở Nam Bộ và Việt Nam các đời vua Gia Long - Minh Mạng giúp chúng ta có cái nhìn khái quát hơn về kiểu kiến trúc thành trì lúc bấy giờ.

Theo họa đồ Thành Biên Hòa và các vùng phụ cận 1864 (Lever de la place de Bien-hoa et de ses environs, tỉ lệ 1/12.000 của quân viễn chinh Pháp) ta thấy Thành Biên Hòa có bình đồ hình vuông kiểu hoa mai 4 cánh; Bốn cổng thành

¹ Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu: 1 trượng = 4,24 mét = 10 thước → 1 thước = 0,424 mét)

hướng Đông - Tây - Nam - Bắc có bình đồ hình vòng cung (bán nguyệt) trước 4 cổng thành có cầu bắc qua hào thành nối với các con lộ bên ngoài. Nếu chồng ghép họa đồ này và so sánh, đối chiếu với các bản đồ năm 1926, 1930, 1965 và bản đồ chồng ghép vệ tinh tháng 08/2019, ta có thể thấy cổng thành Nam giáp đường Cách mạng tháng Tám, nằm trong khu Thành Đội Biên Hòa, đối diện giữa đường Hoàng Minh Châu và đường Quang Trung; cổng thành Tây giáp đường Huỳnh Văn Lũy nối dài (hẻm 62 khu phố 1 phường Quang Vinh); cổng thành Đông giáp đường Phan Đình Phùng giao với đường Trần Minh Trí (khu vực sở Y Tế); cổng thành Bắc nay nằm trong con hẻm số 176 đường Phan Đình Phùng, phường Quang Vinh.



Quân đội Đại Nam (nguồn Internet)

Trong mặt cắt thành tỉ lệ 1/300, ta thấy tường thành cao 4m. Tường ốp đá ong mặt bên ngoài, mặt cắt hình thang, đáy trên (mặt thành) dày 0.5m; đáy dưới rộng 1.5m âm sâu dưới mặt đất khoảng 1m. Mặt trên thành được đắp đất rộng thêm 1m (tổng cộng rộng 1.5m). Đáy thành rộng 9.6m, vát ngược hình thang, tầm cao 3m là con đường rộng 3m (thấp hơn mặt thành 0.9m) chạy bao quanh vòng thành, là con đường vận chuyển, trấn thủ chiến lược. Bên ngoài có đường đắp chạy bao quanh chân thành rộng 8,4m; kế tiếp là hào nước rộng 14m, sâu 2,4m.

Trong chú thích của bản họa đồ Biên Hòa và vùng phụ cận ta thấy ghi:

- a. Mât de pavillon: Cột cờ
 - b. Palais imperial: Kiến trúc cung đình (Hành cung)
 - c- d. Habitation des mandarins: Quan xá (nhà ở của quan lại)
 - e- f. Magasin de riz: Kho gạo
 - g. Prisons des detenus politiques: Trại giam tù nhân chính trị
 - h. Prisons des chrétiens: Trại giam tù nhân Công giáo
 - i- j. Maison de tuilerie: Nhà ngói
 - k- l. Maison pouvant servir d'hôpital ou de magasin: Nhà có thể sử dụng để làm bệnh viện hoặc nhà kho.
- 9& 13- 17 . Pagodes: Chùa, miếu, đền, tháp...
- 10- 12. Magasins du chantier de construction: Xưởng đóng tàu
18. Cales ouvertes: Bệ trượt (cầu) lộ thiên để kéo tàu lên sửa chữa.
- A. Point de débarquement des troupes: Điểm đổ bộ của quân đội

“Tiểu thành trì Biên Hòa nằm cách Sài Gòn 20 cây số trên tả ngạn sông Đồng Nai và trên con đường ra Trung Kỳ, được dùng làm điểm giao kết với Nguyễn Tri Phương và một số lớn những người lính đào tẩu của quân đội Trung Hoa đáng lo sợ. Bờ sông Đồng Nai về phía Sài Gòn được bảo vệ mạnh mẽ bằng nhiều công sự chiến đấu và nhiều chướng ngại. Đặc biệt là một trại lính với 3.000 người được dựng lên ở Mỹ Hòa. Phía trước nơi đó còn được ngăn cản bởi 9 bức chắn kiên cố bằng gỗ, bằng đá. Ngoài tất cả các công trình trên còn có các đồn lính ở hai bên sông Đồng Nai được bố trí những khẩu súng đại bác..¹”.

Tài liệu mô tả trong trang 137 tuần báo L'ILLUSTRATION - JOURNAL UNIVERSEL số ra ngày 01-3-1862.

“T.B. Tiếp theo lá thư, tôi gửi cho ông phần mô tả thành Bien-hoa, dựa theo một bản phác họa của bộ phận công binh của đoàn xuất chinh. Thành Bien-hoa, tọa lạc ở tả ngạn dòng sông cùng tên, là một hình vuông mỗi cạnh 296m, ở mỗi giữa cạnh có phần lồi tròn để bảo vệ các góc thành. Do người Annam xây dựng khoảng 1789 (?), theo sơ đồ của đại tá Olivier (do Louis XVI điều qua), thành Bien-hoa có thể đồn trú khoảng 15 ngàn người. Mặt nghiêng tường thành được xây bằng gạch, cao 4m, tựa đỡ cho bờ thành có trác diện mỏng. Phía trước là đường quanh bờ kè, rộng 8m, cặp theo hồ sâu 2m, rộng 13m. Có bốn chiếc cầu bằng đá bắc qua hồ, trục cầu tương ứng với trục của những phần hình cong của công trình. Ta vào thành qua bốn cái cửa hoặc cửa khuất ở phía bên phải của cầu, cách phần lồi vào 25m (hình thành bởi những phần lồi và mặt tiền). Phần vũ trang gồm đại pháo

1 Địa lý tỉnh Biên Hòa 1924, M.Robert

· nhiều kích cỡ, bằng gang hoặc là bằng đồng, cùng với khá nhiều máy bắn đá, có 12 tòa nhà. (người dịch: Sun Yata-Nguyễn Minh Hoàng)

Theo “Bình đồ thác nước Biên Hòa” (Plan des rapides de Bien Hoa) do 3 kỹ sư thủy quân Manen, Vidalin và Héraud đo đạc từ năm 1862 đến năm 1863, Thành Biên Hòa được ghi chép đúng kích thước với Kỳ đài (cột cờ) nằm ở gần tim cửa Nam thành, nhìn ra sông Đồng Nai, cách bờ sông khoảng 300m. Thành xây hình vuông, giữa mỗi cạnh là một vòng cung nên trông như hình hoa mai 8 cánh. Tuy nhiên, việc xác định tọa độ thời cuối thế kỷ XIX sai lệch khá nhiều so với các máy đo vệ tinh hiện đại (GPS); hiện nay, Thành Biên Hòa ở vào tọa độ 10°56’40” N - 104°30’1” E.

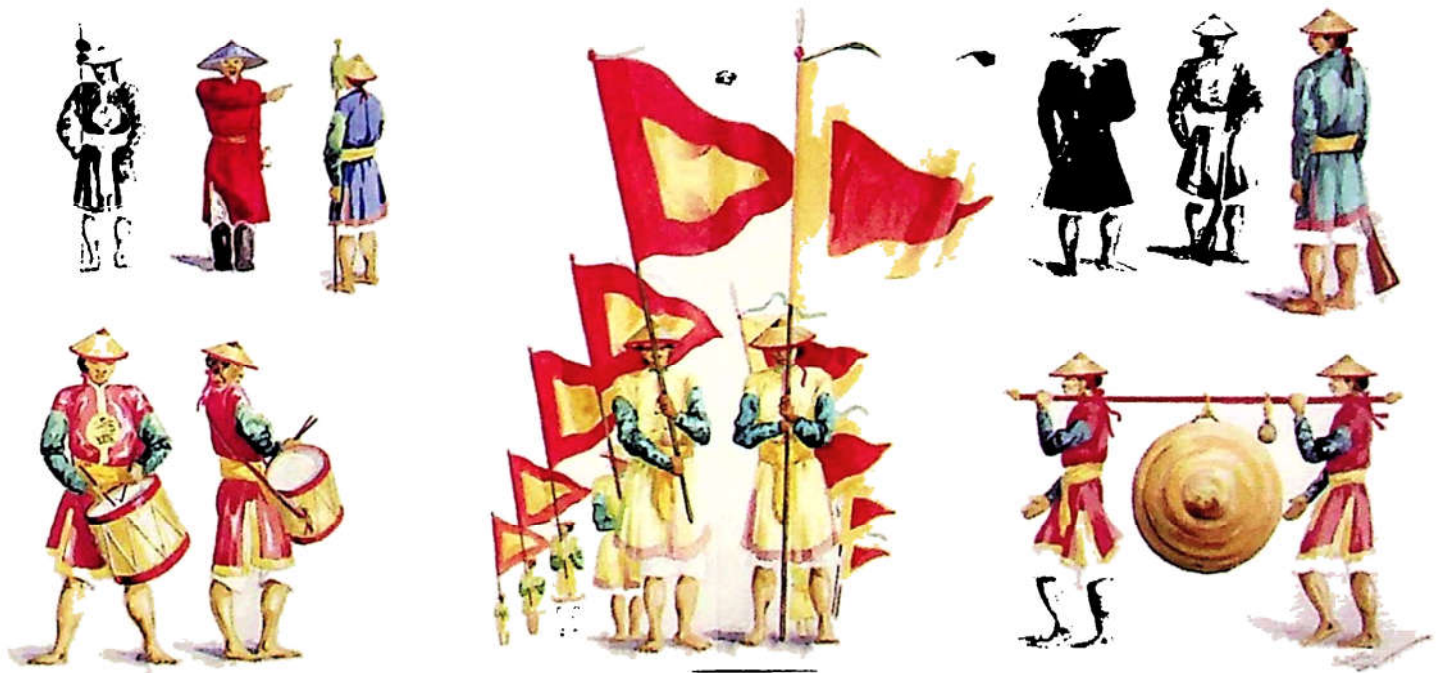
Theo “Bản đồ chỉ dẫn tỉnh lỵ Biên Hòa” của nhật báo Sài Gòn (năm 1965), dấu vết toàn Thành Biên Hòa còn khá rõ, với cạnh Tây hầu như còn giữ nguyên vẹn cả vòng cung bán nguyệt. Đường từ bờ sông vào giữa thành còn dùng tên Pháp thời thuộc địa là “Đại lộ Thành trì” (Boulevard Citadelle), khuôn viên nằm gần trung tâm gọi là “nội thành” ghi số 11 (bảng chú giải định vị đây là “Thành”). Nội thành được củng cố và xây thêm một số biệt thự, sau khi phá bỏ tường thành lớn cũ và lấp hết hào nước xung quanh thành cổ.

Như vậy có thể nói, kể từ khi được xây đắp bằng đá ong năm 1838, Thành Biên Hòa đã trở thành một tòa thành có vị trí chiến lược quan trọng, nằm ở vị trí trung tâm toàn vùng và được hoàn chỉnh nhiều cơ sở quân sự, hành chính nhằm đáp ứng vị trí trấn thủ ở vùng đất phương Nam.

Sau khi đánh chiếm thành vào cuối năm 1861, thực dân Pháp đã thu hẹp phạm vi của thành chỉ còn khoảng 1/17 - 1/18 công trình cổ thành thời Nguyễn.

Thành Biên Hòa “xây dựng năm 1879 thay cho thành cổ” với “lô cốt rộng, người ta đi vào bằng lối đi tuyệt đẹp trồng phượng vĩ thân kék sù... lô cốt dùng làm chỗ ở cho sĩ quan đại đội lính tập. Trại lính đặt ở xung quanh. Chính trung tâm không phô bày với vẻ kỳ dị khác lạ. Đó là những nhà công và những vila của viên chức mà người ta nhận ra ở các tỉnh lỵ.

Đến thời kỳ chế độ Việt Nam Cộng Hòa (1954 - 1975), Thành Biên Hòa không có gì thay đổi nhiều, chính quyền VNCH đã sử dụng lại toàn bộ các công trình do thực dân Pháp để lại, chia Thành Biên Hòa thành hai khu vực (Tây Bắc và Đông Nam) bằng một con đường trồng hai hàng me chạy dọc thành từ cổng chính vào. Biệt thự phía Tây Bắc của Thành Biên Hòa là nơi làm việc của phòng nhì, bưu chính; lầu trệt của ngôi biệt thự được sử dụng để giam giữ, khảo tra các chiến



Quân đội Đại Nam (nguồn Internet)

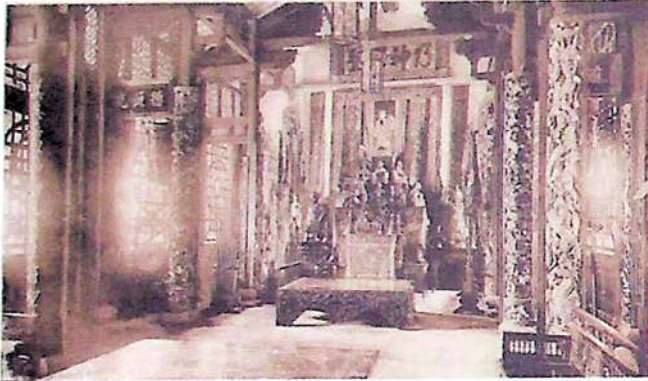
sĩ cách mạng. Biệt thự phía Đông Nam của thành là khu vực sở An ninh Quân đội; đập bỏ nhà lính, nhà thương và công chính phía Đông, cho mở cổng mới về phía Tây thông ra đường Phan Chu Trinh hiện nay.

Sau ngày giải phóng miền Nam năm 1975, Thành Biên Hòa được lực lượng cách mạng tiếp quản. Đến năm 1977, UBND tỉnh Đồng Nai giao cho phòng Hậu cần Công an tỉnh Đồng Nai tiếp quản sử dụng đến năm 2009. Trong suốt thời gian hoạt động, ngành hậu cần công an tỉnh Đồng Nai đã tiến hành cải tạo, xây mới một số công trình dân dụng trong nội thành: sử dụng biệt thự phía Tây Bắc và biệt thự phía Đông Nam làm nơi làm việc và kho để quân trang quân dụng; đập bỏ lô cốt phía chính diện, tường thành hướng Đông, Tây Bắc và một phần hướng Đông Nam; xây mới hội trường, phòng làm việc (căn nhà 2 tầng hiện nay), nhà kho, nhà để xe ở phía trong thành. Phá bỏ hai hàng dẫu chạy dọc hai bên lối đi chính từ cổng thành vào... Năm 2001, thực hiện việc triển khai dự án mở rộng lòng lề đường Phan Chu Trinh phục vụ dân sinh, tường thành hướng Tây Nam của Thành Biên Hòa bị đập bỏ.

Ngày 21/3/2008, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 876/QĐ-UBND công nhận Thành Biên Hòa là di tích lịch sử cấp tỉnh. Năm 2013, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định số 3995/QĐ-BVHTTDL ngày 12/11/2013 công nhận Thành Biên Hòa là di tích lịch sử cấp quốc gia. Từ năm 2009 đến nay, Thành Biên Hòa được UBND tỉnh giao cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Ban Quản lý Di tích và Danh thắng tỉnh Đồng Nai được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai giao trách nhiệm quản lý di tích Thành Biên Hòa; lãnh đạo cơ quan đã triển khai, phối hợp cùng toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động thực

hiện công tác dọn dẹp vệ sinh xung quanh và toàn khu vực, tạo cho di tích có cảnh quan xanh, sạch đẹp như hôm nay.

Trải qua bao biến cố, thăng trầm của lịch sử, từ lúc khởi dựng đến nay, Thành cổ Biên Hòa vẫn mãi là biểu tượng cao đẹp của quân và dân Biên Hòa trong suốt chiều dài lịch sử, biểu tượng về tinh thần đoàn kết một lòng, sức mạnh của lòng dân. Đó còn là công trình kiến trúc thể hiện được bàn tay tài hoa, khối óc sáng tạo của bao lớp nghệ nhân xưa. Thành cổ Biên Hòa mãi là di sản vô giá của thế hệ đi trước để cho các thế hệ mai sau.



Phần 2

**CÁC CÔNG TRÌNH TRONG
KHÔNG GIAN VẤN HÓA
THÀNH BIÊN HÒA**

1. Công đường - Công sở hành chính:

Đất Biên Hòa - Đồng Nai xưa kia vào thế kỷ thứ XVI đã có dân Việt từ miền ngoài thâm nhập vào định cư khai phá. Mùa hè năm 1679, đô đốc tổng binh Trần Thượng Xuyên vốn là di thần nhà Minh phản Thanh thất bại, được sự che chở của chúa Nguyễn Phúc Tần (Chúa Hiền) đã dẫn quân tướng bản bộ từ Phú Xuân (Huế) xuôi nam đến cửa biển Xoài Rạp (Cần Giờ - vịnh Gành Rái), men theo con sông Phước Long (Đồng Nai) đến đồn trú tại xứ Bàn Lân (盤麟) (Tân Lân, tức khu vực chợ Biên Hòa ngày nay). Ban đầu họ cùng lưu dân Việt mở rộng đất đai, lập phường Bạch Khôi sản xuất gạch, ngói; khai thác đá tại núi Lão Át (Long Sơn - Bửu Long), canh tác đất đai, đưa nhiều loại cây giống vào vùng đất mới (nay là vùng rẫy Trảng Lài dưới chân núi Bửu Phong, nằm trong khu phi trường quân sự Biên Hòa). Tại một cù lao cách Tân Lân về phía Đông 3 dặm (Nông nại đại phố - nay là cù lao Phố), tổng binh họ Trần đã cho khai thác trên quy mô lớn; mở mang đất đai, lập thành phố chợ, xây dựng đường sá, cầu đò, bến cảng, kho bãi, từ điểm, khách sạn... Kêu gọi thương nhân Trung Hoa, người Tây, người Nhật, người Chà Và... các nơi đến mua bán giao thương. Chẳng bao lâu, dưới sự quản lý, tổ chức linh hoạt; đô đốc Trần Thượng Xuyên đã biến vùng đất hoang sơ trở thành thương cảng, trung tâm thương mại và giao dịch quốc tế của cả vùng Đồng Nai - Gia Định. Cùng với Nông nại đại phố, các thôn làng, bến đò, đường bộ, chợ búa các vùng lân cận ngày càng phát triển.

Lúc bấy giờ đất mới khai phá, triều đình chúa Nguyễn chưa cất đặt được cơ quan quản lý; mọi việc cai quản trật tự trị an đều đặt dưới quyền quản lý của đô đốc Trần Thượng Xuyên. Quân bản bộ của đô đốc tổng binh họ Trần vốn dĩ là

thủy binh lưu động, nên không lập đồn dinh trấn thủ. Mãi gần 20 năm sau, mùa xuân năm 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu (chúa Minh) sai Thống suất chương cơ Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược phương Nam. Thống suất họ Nguyễn cho lập phủ Gia Định, có hai huyện trực thuộc là Phước Long (Biên Hòa) và Tân Bình (Sài Gòn).

Cơ quan chính quyền quản lý tại huyện Phước Long có dinh Trấn Biên, lúc ấy đặt ở thôn Phước Lư (nay thuộc phường Quyết Thắng, nằm kế hai cầu Rạch Cát và Hiệp Hòa). Các chức quan cai trị có:

- Lưu thủ: đứng đầu dinh trấn, quân binh có tinh binh gồm bộ binh và thủy binh, riêng các quan chức thì có thuộc binh để hộ vệ.
- Ký lục đứng đầu ty Xá sai coi việc văn án.
- Cai bạ đứng đầu ty Tướng thần lại coi việc thu thuế, phát cấp quân lương.

Trong suốt gần 120 mươi năm (1698 ~ 1816), Dinh trấn khi ấy có thể được xây dựng bằng vật liệu nhẹ, đơn giản: Cây gỗ, tre, nứa; hoặc đất thì đắp vào khung gỗ, tre..., quang cảnh dinh trấn được Thượng thư bộ binh - Lê Quang Định mô tả trong *Hoàng Việt thống nhất dư địa chí* (1806):

“... bên ngoài có phố chợ hoạt động sầm uất, hai bên đường đến li sở dinh trấn (nay đoạn từ quảng trường Sông Phố đến cầu Rạch Cát) nhà cửa quan lại, trại quân binh, dân cư đông đúc”.

Mãi đến khi thống nhất thiên hạ, năm Gia Long thứ 15 (1816) lúc này dinh Trấn Biên được đổi thành trấn Biên Hòa, với lý do vùng thôn Phước Lư địa hình thấp, mùa nước lớn hay gây cảnh ngập lụt, li sở của trấn được dời về thôn Tân Lân

(là xứ Bàn Lân, nơi xưa kia đô đốc Trần Thượng Xuyên đến đóng quân đầu tiên khi đến vùng đất này). Trấn thành được dựng trên gò đất cao, nơi có dấu tích thành đất cũ của dân Lạp man (chủ nhân tiền trú xưa kia của đất Biên Hòa)¹.

Bên tả trấn thành có xưởng thuyền công (thôn Phước Lư) là nơi sửa chữa, bảo trì, neo đậu các loại thuyền bè của triều đình như chiến thuyền, hải vận thuyền, ô thuyền, lê thuyền, chu thuyền...

Bên hữu trấn thành có chuồng nuôi và bãi huấn luyện voi chiến (khu vực này (có thể) là thôn Vĩnh Phước - nay thuộc huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

Quan chức có Bộ Chánh, Án sát, phó Lãnh Binh, Thủ thành úy. Quân suất ở các vệ cơ đội của tinh thành có Vệ úy, Quản cơ, Đội trưởng lực lượng binh đội gồm:

1 Trong địa bạ tỉnh Biên Hòa lập năm 1836, thôn Tân Lân được chép: Huyện Phước Chánh, Tổng Phước Vinh Thượng, thôn Tân Lân ở xứ Bàn Lân:

- Đông giáp phường Bình Trước, có lập cột gỗ làm ranh giới.
- Tây giáp địa phận thôn Bình Thành (tục gọi là Bình Thiếng) có lập cột gỗ làm ranh giới.
- Nam giáp sông lớn, lấy giữa lòng sông làm ranh giới.
- Bắc giáp địa phận thôn Bình Thành (Bình Thiếng) có lập cột gỗ làm ranh giới.

Thực canh ruộng đất 3.1.8.1 (3mẫu.1sào.8thước.1tấc) (=19.792m²).

.Điền tô điền 0.3.0.0 (1 chủ)

.Đất trống dâu, mía 1.8.5.1 (1 sớ chủ và BTĐC- bốn thôn đồng canh 2 sớ, cộng 0.4.12.0)

- Đất và nhà ở 1.0.0.0, trong đó BTĐC- bốn thôn đồng cư 0.4.12.0
- Đất cho nhập tỉnh thành 1 sớ (*Thành Biên Hòa*)
- Đất để lập học xá 1 sớ (*khu Sở Giáo Dục, trường Nguyễn Du*)
- Đất để lập quan phòng binh xá 1.0.0.0 (*khu vực ngày nay là UBND tỉnh và nhà Thiếu Nhi*)
- Đất gò đồi 1 khoảnh.
- Đất mố mả 1 khoảnh.

* Cũng theo địa bạ trên cho biết đất thuộc phủ lý và nhà ở binh lính chiếm 2 mẫu (9.788.8m²).

- Biên Hòa tả thủy vệ: 1 vệ
- Biên Hòa hữu thủy vệ: 1 vệ
- Biên Hòa tả cơ: 10 đội
- Biên Hòa hữu cơ: 10 đội
- Biên tượng: 1 đội
- Pháo thủ: 1 đội

Vào năm Minh Mạng thứ 18 (1837) tổng số lính tuyển và mộ ở tỉnh thành ngót 2.000 người. Các tấn, đồn, bảo ở các địa phương thì có Quản viên chuyên trách đóng giữ: tấn Phước Thắng, tấn Long Hưng, thủ Tân Lợi, thủ Tân định, thủ Tân Thuận, quan Tấn thủ đều 1 người.

Tỉnh Biên Hòa quản lý 6 dịch trạm:

- Trạm bộ có: Biên Thuận, Biên Thịnh, Biên Long
- Trạm sông có: Biên Phước, Biên Lễ và trạm Biên Lộc ở thôn Trường Lộc, huyện Long Thành đặt thêm vào năm Thiệu Trị thứ nhất (1841).

Vũ khí trang bị tại tỉnh thành ngoài binh khí thô sơ như đao, kiếm, giáo, thương, kích, cung nỏ, khiên, thuẫn... Hỏa lực tân tiến lúc ấy có hỏa pháo, hỏa hồ, hỏa cầu. Súng nhỏ: điều sang, điều thương, quá sơn. Pháo binh dùng: Đại luân xa, Oanh sơn, Thần công...

Năm 1805, vua Gia Long lệnh cho tất cả dinh trấn trong cả nước đều dựng ba công đường, mỗi tòa có 3 gian, 2 chái. Trịnh Hoài Đức trong *Gia Định thành thông chí* mô tả: Lị sở ở gò cao thôn Tân Lân, quy hoạch ra làm thành sở, ngang

đọc đều 200 tầm¹. Bên trong thành chia hình chữ tinh (井); giữa dựng vọng cung, hai bên phải trái có lầu chuông trống. Chính giữa, sau kỳ đài dựng 3 công dinh, rộng 80 tầm dài 60 tầm, chia làm 3 phần, dinh giữa rộng hơn hai dinh bên 5 tầm. Hai bên phải trái là đường đi rộng 7 tầm. Xung quanh là kho xây gạch, lợp ngói dày chắc gồm 31 gian. Hai bên có trại quân thừa ty, chia ra từng khu vực chính tề (tất cả đều theo quy chế của triều đình công bộ).

Năm Minh Mạng thứ 13 (1832) lệnh ban về các tỉnh, thống nhất cách xây dựng công sở như sau:

- Sảnh đường quan Tổng đốc thì một tòa 3 gian 2 chái, nhà bếp thì một sở 2 gian 2 chái, cao và rộng theo y cách thức dinh thượng thư lục bộ.

- Sảnh đường quan Bộ chánh và Án sát đều một tòa 3 gian 2 chái, nhà bếp 1 gian 2 chái, cao và rộng theo y cách thức dinh thượng thư lục bộ.

Năm Minh Mạng thứ 6 (1825), cho chọn nơi cao ráo sau hành dinh tại Thành Biên Hòa xây 2 kho thóc, 1 kho thuốc súng .

Tự Đức năm thứ nhất (1849), vua cho dựng lại 4 trại lính theo quy chuẩn 9 gian.2 chái.

2. Các công trình văn hóa - tín ngưỡng gắn với Thành Biên Hòa:

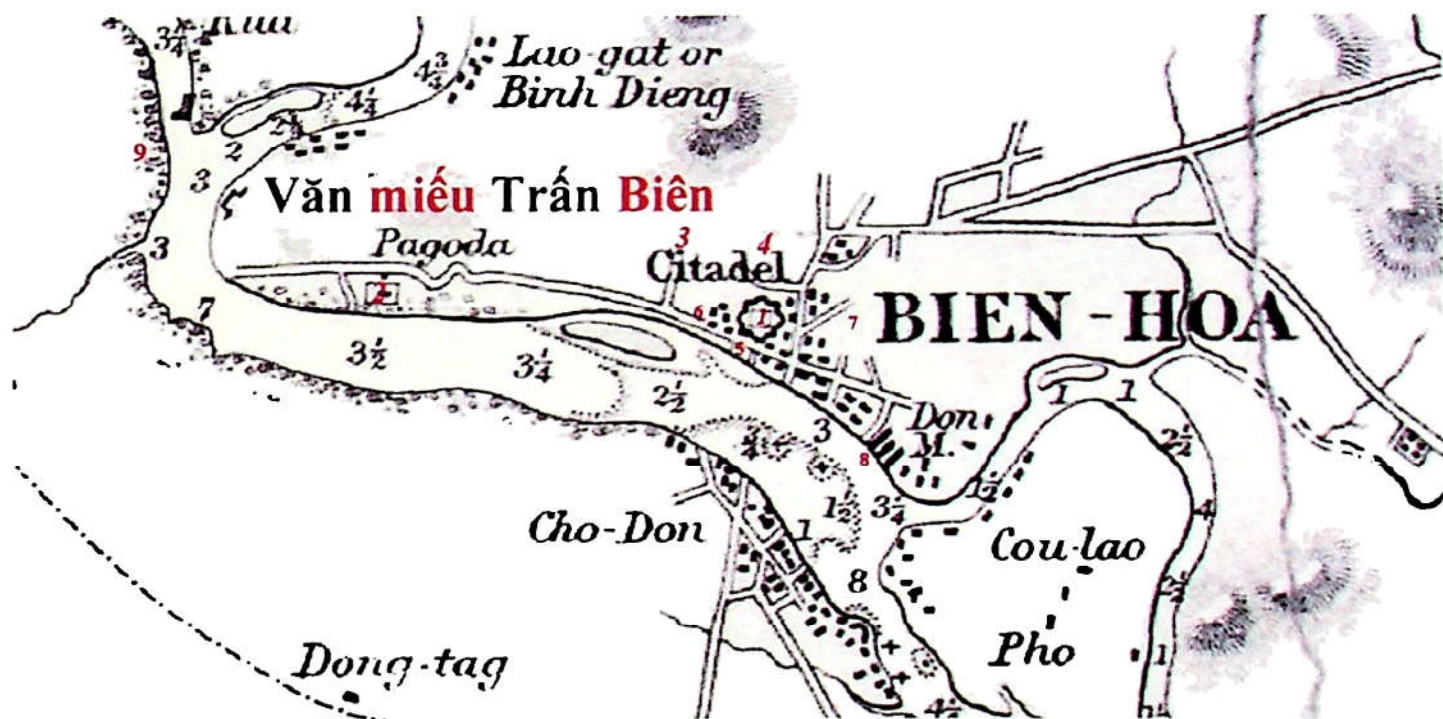
Từ khi thành lập dinh trấn tại thôn Phước Lư, đến khi xây dựng hoàn chỉnh Thành Biên Hòa tại thôn Tân Lâm; đi đôi với việc xây dựng thành trì, binh lực, quản lý hành chánh đất đai, cư dân... Triều đình còn ra lệnh cho quan lại sở tại, xây dựng các thiết chế thờ tự tôn nghiêm theo quy chế, điển lệ của trung ương.

¹ 1 tầm = 1/2 trượng = 2.12m

Văn Miếu

Văn miếu là nơi thờ các bậc tiên thánh thiết chế tín ngưỡng văn hóa quan trọng của triều đình, đến trước thời điểm Pháp xâm lược nước ta; từ kinh sư, phủ Thừa Thiên đến 2 đạo Hà Tĩnh, Phú Yên và 26 tỉnh từ Bắc chí Nam đều được cho xây dựng Văn miếu, riêng chỉ có tỉnh An Giang là chưa dựng. Đây là nơi thờ tiên sư của đạo Nho, ngoài ra Văn miếu Trấn Biên lúc bấy giờ còn có một cơ sở học đường của triều đình, nhằm đào tạo sĩ phu, trí thức, tầng lớp tinh hoa của xã hội thời quân chủ.

Theo sử ghi chép, Văn miếu Trấn Biên được hình thành sớm nhất miền Nam, xây dựng năm 1715, tức chỉ sau một thời gian ngắn từ khi Thống suất Nguyễn



Vị trí Văn miếu Trấn Biên trên bản đồ 1866 Cochin China - SAIGON or DON-NAI RIVER (<https://www.flickr.com/photos/13476480@N07/>)